TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 697/2018/HS-PT
Ngày 14 – 12- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:Ông Nguyễn Hữu Hậu, ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trongcác ngày 13,14 tháng 12 năm 2018 tại trụ sởTòa án nhân dân tỉnh An Giang, tiến hành mở công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 664/2017/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáoNguyễn Thành T cùng với các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáođối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2017/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Nguyễn Thành T, sinh năm 1963; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường C, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Đội trưởng Đội kiểm soát Hải quan - Cục Hải quan tỉnh An Giang; Cha: Nguyễn Thành D, sinh năm 1928; Mẹ: Đoàn Hồng B, sinh năm 1932 (đã chết); Vợ: Bành Lệ T1, sinh năm 1966; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1998.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2014 đến ngày 25/3/2016 được hủy bỏ biện biện pháp tạm giam và thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị cáo đang được tại ngoại

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường Châu P, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B; Cha: Nguyễn Văn T (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị S1 , sinh năm 1942; Vợ: Trần Thị P , sinh năm 1970; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2003.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S:***Bà Nguyễn Minh L** là Luật sư- văn phòng Luật sư Minh Phúc thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang*(có mặt)*.

3. Hồ Văn S2 , sinh năm 1967; Nơi ĐKHKTT: Ấp An H, xã An H, huyện Châu T, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Ấp Phước T, xã Đa P, huyện An P, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Đội trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B, tỉnh An Giang; Cha: Hồ H (đã chết); Mẹ: Đỗ Thị N, sinh năm 1942; Vợ: Trần Thị H1, sinh năm 1973; Con: Có 01 con sinh năm 1999.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị bắt tạm giam từ ngày 10/12/2014 đến ngày 19/10/2015 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

- Bị cáo được tại ngoại

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Văn Q , sinh năm 1964; Nơi ĐKHKTT: Khóm Châu L, phường Long C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Trần P, phường Long C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Đội phó Đội Kiểm soát Hải quan tỉnh An Giang; Cha: Lê Quang Q1 (đã chết); Mẹ: Lại Thị T3 (đã chết); Vợ: Trần Thị Diễm T4 , sinh năm 1972; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáoLê Văn Q :* Bà **Nguyễn Minh L** là Luật sư- Văn phòng Luật sư Minh Phúc thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang*(có mặt)*.

5. Phan Thành L1 , sinh năm 1961; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khóm Long Quới B, phường Long P, thị xã Tân C, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B, tỉnh An Giang;

Cha: Phan Thành C (đã chết); Mẹ: Võ Thị S3 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Đ , sinh năm 1963; Con: Có 01 con, sinh năm 1988.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2015 cho đến ngày 16/11/2015 được hủy bỏ biện pháp tạm giam

- Bị cáo được tại ngoại

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Lâm Phú T5 , sinh năm 1964; Nơi ĐKHKTT: phường Phú T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: phường Mỹ B, thành phố Long X, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12 ; Nghề nghiệp: Nguyên Công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B, tỉnh An Giang; Cha: Lâm Văn C1 (đã chết); Mẹ: Ngô Thị Đ1 (đã chết); Vợ: Huỳnh Hồng N1 , sinh năm 1962; Con: Có 01 con, sinh năm 1987.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị cáo tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn D1 , sinh năm 1957; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B, tỉnh An Giang; Cha: Nguyễn Văn T6 (đã chết); Mẹ: Phan Thị B1 (chết); Vợ: Nguyễn Thị Ánh L2 , sinh năm 1966.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Ngày 11/11/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án (11/11/2016) theo bản án số 386/2016/HSST về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

- Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn S4 , sinh năm 1967; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Ấp Phú H, xã Phú H, huyện An P, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B; Cha: Nguyễn Văn L3 (đã chết); Mẹ: Võ Thị T7 , sinh năm: 1933; Vợ: Nguyễn Thị Q2 , sinh năm 1975; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1998.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S4 :* Ông Phạm Văn V là Luật sư- Công ty Luật Thịnh V- ProLaw F, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh*(có mặt)*.

9. Lý Ngọc T8 , sinh năm 1961; Nơi ĐKHKTT: phường Châu Ph, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: nguyên Công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B; Cha: Lý Văn T9 (đã chết); Mẹ: Trần Cẩm B2 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Thanh T10 , sinh năm 1970; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2007.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Lý Ngọc T8 :* Ông Phạm Văn V là Luật sư- Công ty Luật Thịnh V- ProLaw F, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt)*.

10. Đỗ Văn L4 , sinh năm 1964; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường Châu Ph, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang; Tạm trú: phường Bình Trị Đ, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B, tỉnh An Giang; Cha: Đỗ Văn T11 (đã chết); Mẹ: Dương Thị B3 (đã chết); Vợ: Lê Thị Thanh T12 , sinh năm 1967; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1996.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Ngày 11/11/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm tù theo bản án số 386/2016/HSST về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và ngày 05/7/2017, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên y án sơ thẩm theo bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017.

- Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11.Nguyễn Thái H2 , sinh năm 1964; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường Châu Ph, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B; Cha: Nguyễn Văn X (đã chết); Mẹ: Huỳnh Thị C2 , sinh năm 1934; Vợ: Huỳnh Thanh T13 , sinh năm 1968; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1996.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Trương Đình H3 , sinh năm 1965; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường Bình K, thành phố Long X, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B; Cha: Trương Minh T14 (đã chết); Mẹ: Phạm Thị B4 , sinh năm 1936; Vợ: Vương Thị Hồng L5 , sinh năm 1973; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2001.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáoTrương Đình H3 :* Ông Phạm Văn V là Luật sư- Công ty Luật Thịnh V- ProLaw F, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt)*.

13. Phạm Vinh H4 , sinh năm 1964; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường Núi S, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B; Cha: Phạm Văn H5 , sinh năm 1939 (chết); Mẹ: Lương Thị B5 , sinh năm 1944 (chết); Vợ: Trần Thị L6 , sinh năm 1976; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2004.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Vinh H4 :* Bà **Nguyễn Minh L** là Luật sư- Văn phòng Luật sư Minh Phúc thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang*(có mặt)*.

14. Trần Cẩm Đ2 , sinh năm 1961; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khóm Xuân P, thị trấn Tịnh B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang; Trình độ văn hóa:12/12; Nghề nghiệp: Công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B; Cha: Trần Văn T15 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị K (đã chết); Vợ: Lý Kim C3 , sinh năm 1965; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1992.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Bị cáo được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáoTrần Cẩm Đ2 :* Ông **Phạm Văn V** là Luật sư- Công ty Luật Thịnh V- ProLaw F, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh*(có mặt)*.

(Ngoài ra còn có 38 bị cáo; Nguyên đơn dân sự, 28 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/11/2013, Tổng cục Hải quan có Công văn số 195/TCHQ-TTr gửi Tổng cục An ninh II - Bộ Công an (nay là Tổng cục An ninh) chuyển tài liệu về một số doanh nghiệp có dấu hiệu xuất khẩu khống hàng hóa để hợp thức hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) tại tỉnh An Giang để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 14/11/2013, Cơ quan ANĐT - Bộ Công an đã tiếp nhận hồ sơ nói trên và tiến hành điều tra vụ việc có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua thủ đoạn lập hồ sơ xuất khẩu khống hàng hóa, đề nghị hoàn thuế GTGT của Công ty TNHH MTV TM DV VT XNK Kim C4 , địa chỉ: Thị trấn Long B, huyện An P, An Giang (gọi tắt là Công ty Kim C4).

Công ty Kim C4 được thành lập ngày 05/01/2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1601283121 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh An Giang; trụ sở tại Thị trấn Long B, huyện An P, tỉnh An Giang do Lê Thị C4 làm Giám đốc đại diện pháp luật. Doanh nghiệp tư nhân Dân Thành Đ (gọi tắt là Doanh nghiệp Dân Thành Đ) được thành lập ngày 18/7/2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1601794599 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh An Giang; trụ sở tại Thị trấn Long B, huyện An P, tỉnh An Giang do Nguyễn Quốc K1 làm Giám đốc đại diện pháp luật và Công ty TNHH MTV Phương Phương T (gọi tắt là Công ty Phương Phương T) được thành lập ngày 11/9/2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1601834033 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh An Giang; trụ sở tại Thị trấn Long B, huyện An P, tỉnh An Giang do Lê Văn T16 (em ruột Lê Thị C4) làm Giám đốc đại diện pháp luật, kinh doanh ngành bách hóa, kim khí điện máy.Thực chất cả 03 doanh nghiệp này đều do Lê Thị C4 làm chủ và điều hành mọi hoạt động.

Từ tháng 5/2011 đến 3/2013, lợi dụng chính sách về hoàn thuế GTGT của Nhà nước, Lê Thị C4 sử dụng 03 pháp nhân là: Công ty Kim C4 , Công ty Phương Phương T và Doanh nghiệp Dân Thành Đ cùng các đồng phạm mua bán trái phép hóa đơn GTGT; Móc nối với một số cán bộ Chi cục Hải quan, Bộ đội biên phòng cửa khẩu Khánh B, tỉnh An Giang lập hồ sơ xuất khẩu khống hàng hóa sang Campuchia cho Công ty Tam Hung Trading & Transport Co.Ltd (gọi tắt là Công ty Tam Hung) và Công ty Leng Kheang Long Trading Co.Ltd (gọi tắt là Công ty Leng Kheang Long), sau đó kê khai và lập hồ sơ xin hoàn thuế GTGT, chiếm đoạt tiền ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào hồ sơ hoàn thuế GTGT do Cục Thuế tỉnh An Giang cung cấp, xác định: Công ty Kim C4 đã có 21 lần được Chi cục Thuế huyện An P, tỉnh

An Giang ra quyết định cho hoàn thuế GTGT với tổng số tiền là: 35.880.779.737 đồng; Công ty Phương Phương T đã có 05 lần được Chi cục Thuế huyện An P, tỉnh An Giang ra quyết định cho hoàn thuế GTGT với tổng số tiền là: 15.589.514.701 đồng; Doanh nghiệp Dân Thành Đ đã có 06 lần được Chi cục Thuế huyện An P, tỉnh An Giang ra quyết định cho hoàn thuế GTGT với tổng số tiền là: 14.037.433.874 đồng. Tổng số tiền 03 doanh nghiệp này được hoàn thuế GTGT là: 65.507.728.312 đồng.

Căn cứ kết quả điều tra và Kết luận giám định ngày 05/6/2015 của Giám định viên Tư pháp thuộc Bộ Tài chính (theo Quyết định trưng cầu giám định số 30/ANĐT-P2 ngày 09/3/2015 của Cơ quan ANĐT Bộ Công an), xác định: Trong tổng số 65.507.728.312 đồng được hoàn thuế GTGT nêu trên, Lê Thị C4 đã dùng thủ đoạn gian dối, mua hóa đơn GTGT khống hàng hóa mua vào của một số doanh nghiệp trong nước xuất cho Công ty Kim C4 , Công ty Phương Phương T và Doanh nghiệp Dân Thành Đ của Lê Thị C4 ; Làm giả hợp đồng ngoại thương, chứng từ thanh toán hàng hóa bán ra giữa Công ty Kim C4 , Công ty Phương Phương T và Doanh nghiệp Dân Thành Đ với Công ty Tam Hung và Công ty Leng Kheang Long (Campuchia) để kê khai, lập hồ sơ xuất khẩu hàng hóa khống, hồ sơ đề nghị Chi cục Thuế huyện An P và Cục Thuế tỉnh An Giang cho hoàn thuế GTGT, chiếm đoạt 41.896.871.359 đồng tiền ngân sách Nhà nước.

*** Móc nối với cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B xác nhận tờ khai xuất khẩu khống:**

Từ năm 8/2010 - 9/2012, Lê Thị C4 liên hệ thỏa thuận với Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn B6 - là các Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B, đặt vấn đề chi tiền bồi dưỡng theo tỷ lệ 0,3% trị giá lô hàng ghi trên tờ khai xuất khẩu, để Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn B6 chủ trương cho các cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu khẩu Khánh B, tỉnh An Giang xác nhận giải quyết tờ khai có nội dung là: "Đã làm thủ tục hải quan", "Hàng hóa đã xuất khẩu" trên 07 Tờ khai hải quan xuất khẩu khống hàng hóa của Công ty Kim C4 xuất cho Công ty Tam Hung, với tổng số tiền ghi khống trên tờ khai là 6.754.410.600 đồng và trên 466 Tờ khai hải quan xuất khẩu khống hàng hóa của Công ty Kim C4 , Công ty Phương Phương T và Doanh nghiệp Dân Thành Đ xuất cho Công ty Leang Kheng Long, với tổng số tiền ghi khống trên tờ khai là 485.742.204.262 đồng, để hợp thức hóa hồ sơ xuất khẩu khống hàng hóa xin hoàn thuế GTGT.

Dựa trên các bộ hồ sơ xuất khẩu khống với hóa đơn GTGT, chứng từ hàng hóa mua vào, hàng hóa bán ra (xuất khẩu) bất hợp pháp và 473 tờ khai xuất khẩu khống hàng hóa trị giá 492.496.614.862 đồng của Công ty Kim C4 , Công ty Phương Phương T và Doanh nghiệp Dân Thành Đ xuất cho Công ty Tam Hung và Công ty Leng Kheang Long, có xác nhận của các cán bộ công chức hải quan

Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B, Lê Thị C4 giao cho Nguyễn Văn S5 và Nguyễn Văn T17 - Kế toán kê khai, lập 29 bộ hồ sơ xin hoàn thuế GTGT, trong đó Công ty Kim C4 : 19 bộ, Công ty Phương Phương T : 05 bộ và Doanh nghiệp Dân Thành Đ : 05 bộ để đề nghị Chi cục Thuế huyện An P và Cục Thuế tỉnh An Giang hoàn thuế GTGT, chiếm đoạt 41.885.871.359 đồng tiền ngân sách Nhà nước

Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của các cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B tỉnh An Giang:

Để thực hiện được việc lập hồ sơ xuất khẩu hàng hóa khống, kê khai, lập khống 29 bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT, chiếm đoạt 41.896.871.359 đồng từ ngân sách Nhà nước, Lê Thị C4 đã móc nối, thỏa thuận với Nguyễn Thành T - Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B (từ năm 2008 đến tháng 8/2012) và Nguyễn Văn B6 - Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B (từ tháng 9/2012 đến tháng 10/2013) cho chủ trương để các cán bộ hải quan xác nhận khống trên các tờ khai xuất khẩu hàng hóa của Công ty Kim C4 , Công ty Phương Phương T và Doanh nghiệp Dân Thành Đ . Lê Thị C4 đã chi "bồi dưỡng" 0,3% trị giá hàng hóa ghi trên tờ khai hải quan xuất khẩu cho lãnh đạo và các cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B để được ký xác nhận "Đã làm thủ tục hải quan"; "Đã xuất khẩu hàng hóa" trên 473 tờ khai xuất khẩu khống về số lượng hàng hóa của Công ty Kim C4 , Công ty Phương Phương T và Doanh nghiệp Dân Thành Đ .

Từ năm 2010 đến tháng 8/2012, Nguyễn Thành T giao cho Nguyễn Văn T18 và Hồ Văn S2 là các Đội trưởng chia nhau số tiền nhận của Lê Thị C4 theo tỷ lệ: Chi Cục trưởng được 40%, Phó Chi cục trưởng 12%, Đội trưởng và 03 công chức hải quan tham gia ca trực giải quyết tờ khai xuất khẩu cho 03 doanh nghiệp của Lê Thị C4 nêu trên, mỗi người 12% trong tổng số 0,3%.

Từ tháng 9/2012 đến tháng 10/2013, Nguyễn Văn B6 giao cho Nguyễn Thanh L7 và Lê Văn Q là các Đội trưởng trực tiếp chia nhau số tiền nhận của Lê Thị C4 theo tỷ lệ: Chi Cục trưởng 26%, 02 Chi Cục phó 12%, 03 cán bộ trực mỗi người 11%, số tiền còn lại được đưa vào bếp ăn tập thể của đơn vị.

Căn cứ kết quả điều tra, có căn cứ xác định: Từ tháng 5/2011 đến tháng 3/2013 có 34 cán bộ hải quan Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B gồm:Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn B6 , Trần Đắc C5 , Nguyễn Văn T18 , Hồ Văn S2 , Nguyễn Văn S5 , Lê Khương T19 , Nguyễn Thanh L7 , Nguyễn Phi C6 , Thái Thanh N2 , Lê Thị D2 , Phan Thành L1 , Phạm Tấn T20 , Đỗ Văn T21 , Lê Phi T22 , Lâm Phú T5 , Dương Công B7 , Ngô Hoàng N3 , Trương Quang T23 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Nguyễn Sỹ T24 , Khưu Văn Đ3 , Lê Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Bùi Công T25 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh H4 , Nguyễn Thành N4 , Lê Trần Huệ P1 và Trần Cẩm Đ2 có hành vi: Biết Công ty Kim C4 , Công ty Phương Phương T và

Doanh nghiệp Dân Thành Đ của Lê Thị C4 khai khống số lượng hàng hóa trong các tờ khai xuất khẩu hàng hóa (chủ yếu là các tờ khai xuất khẩu mặt hàng bách hóa tổng hợp) cho Công ty Kim C4 , Công ty Phương Phương T và Doanh nghiệp Dân Thành Đ , nhưng vì động cơ vụ lợi, đã nhận tổng cộng 1.686.548.736 đồng tiền "bồi dưỡng" của Lê Thị C4 vì có chỉ đạo của Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn B6 là Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan Khánh Bình đã không đề xuất chuyển phân luồng tờ khai để kiểm tra thực tế hàng hóa mà vẫn đăng ký tiếp nhận, ký xác nhận, đóng dấu công chức hải quan "Hàng hóa đã xuất khẩu"; "Đã làm thủ tục hải quan" trên các tờ khai xuất khẩu hàng hóa của Công ty Kim C4 , Công ty Phương T , Doanh nghiệp tư nhân Dân Thành Đ . Hành vi của 34 cán bộ hải quan nói trên đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao, làm trái công vụ của công chức hải quan được quy định tại Điều 27, Điều 30 Luật Hải quan năm 2001, Khoản 3 Điều 14 Luật bổ sung, sửa đổi một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005, Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu và Quyết định số 1171/QĐ-TCHQ ngày 15/6/2009 của Tổng cục Hải quan ban hành về quy trình, thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng để Lê Thị C4 cùng các đồng phạm sử dụng các tờ khai hải quan xuất khẩu hàng hóa khống để kê khai, lập hồ sơ đề nghị xin hoàn thuế GTGT trái quy định pháp luật, chiếm đoạt 41.896.871.359 đồng tiền ngân sách Nhà nước.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2017/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị C4 , Lê Thị Lam P2 , Lê Minh G , Trương Văn Đ4 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tuyên bố các bị cáo Dương Triệu K2 , Đặng Thị P3 , Nguyễn Văn S5 , Cao Khánh H6 , Trương Văn S6 , Trương Hoài T26 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tuyên bố các bị cáo Châu Thúy H7 , Nguyễn Việt C7 , Thái Q3 , Lâm Tuấn P4 , Đinh Thị Mỹ L8 , Lê Thị S7 (Th), Phan Văn T27 và Chung C8 phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn B6 , Trần Đắc C5 , Nguyễn Văn T18 (H), Hồ Văn S2 , Nguyễn Văn S5 , Lê Khương T19 , Nguyễn Thanh L7 , Nguyễn Phi C6 (Nguyễn Tấn T), Thái Thanh N2 , Lê Thị D2 , Phan Thành L1 , Phạm Tấn T20 , Đỗ Văn T21 , Lê Phi T22 , Lâm Phú T5 , Dương Công B7 , Ngô Hoàng N3 , Trương Quang T23 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Nguyễn Sỹ T24 , Khưu Văn Đ3 , Lê Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Bùi Công T25 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh

H4 , Nguyễn Thành N4 , Lê Trần Huệ P1 và Trần Cẩm Đ2 phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Vận dụng Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 hướng dẫn về việc áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 cho tất cả 52 bị cáo trong vụ án:

01. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T 06 (sáu) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 19/12/2014 đến ngày 25/3/2016.

Cấm bị cáo Nguyễn Thành T đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

02. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn S đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

03. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Hồ Văn S2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 10/12/2014 đến ngày 19/10/2015.

Cấm bị cáo Hồ Văn S2 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

04. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Q 03 (ba) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Lê Văn Q đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

05. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Phan Thành L1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Phan Thành L1 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

06. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Lâm Phú T5 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Lâm Phú T5 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

07. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 51; Điều 20; Điều 53; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Đồng thời, bị cáo Nguyễn Văn D1 phải chấp hành song song bản án số 386/2016/HSST ngày 05/7/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án (05/7/2016) về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Cấm bị cáo Nguyễn Văn D1 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

08. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" .Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn S4 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

09. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Lý Ngọc T8 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Lý Ngọc T8 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

10. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 51; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn L4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Đỗ Văn L4 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Đỗ Văn L4 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

11. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thái H2 01 (một) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Thái H2 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

12. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Trương Đình H3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Trương Đình H3 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

13. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Vinh H4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Phạm Vinh H4 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

14. Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Trần Cẩm Đ2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Trần Cẩm Đ2 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

Ngoài ra, bản án còn xử phạt:

1. Bị cáo Lê Thị C4 15 (mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Bị cáo Lê Thị Lam P 09 (chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Bị cáo Lê Minh G 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 08 (tám) ngày tù, bằng thời hạn tạm giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

4. Bị cáo Trương Văn Đ4 03 (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

5. Bị cáo Dương Triệu K2 05 (năm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

6. Bị cáo Đặng Thị P3 02 (hai) năm 01 (một) tháng 12 (mười hai) ngày tù, bằng thời hạn tạm giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

7. Bị cáo Nguyễn Văn S5 04 (bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

8. Bị cáo Cao Khánh H6 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng 04 (bốn) ngày tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

9. Bị cáo Trương Văn S6 02 (hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

10. Bị cáo Trương Hoài T26 02 (hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

11. Bị cáo Châu Thúy H7 11 (mười một) tháng 14 (mười bốn) ngày tù, bằng thời hạn tạm giam về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

12. Bị cáo Nguyễn Việt C7 01 (một) năm 01 (một) tháng 07 (bảy) ngày tù, bằng thời hạn tạm giam về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

13. Bị cáo Thái Q3 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Mua bán trái phép hóa đơn", thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/10/2017.

14. Bị cáo Đinh Thị Mỹ L8 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Mua bán trái phép hóa đơn", thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/10/2017.

15. Bị cáo Lê Thị S7 (Thủy) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Mua bán trái phép hóa đơn", thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/10/2017.

16. Bị cáo Phan Văn T27 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Mua bán trái phép hóa đơn", thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/10/2017.

17. Bị cáo Lâm Tuấn P4 02 (hai) năm tù về tội "Mua bán trái phép hóa đơn". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 101/2015/HSST ngày 06/10/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 14 (mười bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và bản án số 386/2016/HSST ngày 11/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 14 (mười bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; buộc bị cáo Lâm Tuấn P4 phải chấp hành hình phạt chung của 03 (ba) bản án là: 30 (ba mươi) năm tù.

18. Bị cáo Chung C8 01 (một) năm 05 (năm) tháng 09 (chín) ngày tù, bằng thời hạn tạm giam về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

19. Bị cáo Nguyễn Văn B6 05 (năm) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 (mười hai) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi hành công vụ"; buộc bị cáo Nguyễn Văn B6 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 17 (mười bảy) năm tù. Cấm bị cáo Nguyễn Văn B6 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

20. Bị cáo Nguyễn Phi C6 (Nguyễn Tấn Tài) 04 (bốn) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Nguyễn Phi C6 (Nguyễn Tấn Tài) phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 13 (mười ba) năm tù. Cấm bị cáo Nguyễn Phi C6 (Nguyễn Tấn Tài) đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

21. Bị cáo Thái Thanh N2 04 (bốn) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 11 (mười một) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Thái Thanh N2 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 15 (mười lăm) năm tù. Cấm bị cáo Thái Thanh N2 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

22. Bị cáo Nguyễn Văn T18 (Hoàng) 03 (ba) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 386/2016/HSST ngày 11/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 07 (bảy) năm tù. Cấm bị cáo Nguyễn Văn T18 (Hoàng) đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

23. Bị cáo Nguyễn Thanh L7 03 (ba) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 (tám) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Nguyễn Thanh L7 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 11 (mười một) năm tù. Cấm bị cáo Nguyễn Thanh L7 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

24. Bị cáo Nguyễn Văn S5 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Nguyễn Văn S5 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 10/12/2014 cho đến ngày 16/11/2015.Cấm bị cáo Nguyễn Văn S5 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

25. Bị cáo Trần Đắc C5 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Trần Đắc C5 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Cấm bị cáo Trần Đắc C5 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

26. Bị cáo Lê Khương T19 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 (tám) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Lê Khương T19 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Cấm bị cáo Lê Khương T19 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

27. Bị cáo Lê Thị D2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Lê Thị D2 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Cấm bị cáo Lê Thị D2 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

28. Bị cáo Phạm Tấn T20 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Phạm Tấn T20 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Cấm bị cáo Phạm Tấn T20 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

29. Bị cáo Đỗ Văn T21 02 (hai) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Đỗ Văn T21 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 05 (năm) năm tù. Cấm bị cáo Đỗ Văn T21 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

30. Bị cáo Lê Phi T22 02 (hai) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số

337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Lê Phi T22 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 06 (sáu) năm tù. Cấm bị cáo Lê Phi T22 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

31. Bị cáo Dương Công B7 02 (hai) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Dương Công B7 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 06 (sáu) năm tù. Cấm bị cáo Dương Công B7 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

32. Bị cáo Ngô Hoàng N3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Ngô Hoàng N3 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Cấm bị cáo Ngô Hoàng N3 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

33. Bị cáo Trương Quang T23 (Khánh) 02 (hai) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Trương Quang T23 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 09 (chín) năm tù. Cấm bị cáo Trương Quang T23 (Khánh) đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

34. Bị cáo Nguyễn Sỹ T24 02 (hai) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Nguyễn Sỹ T24 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 05 (năm) năm tù. Cấm bị cáo Nguyễn Sỹ T24 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

35. Bị cáo Khưu Văn Đ3 02 (hai) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 (năm) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Khưu Văn Đ3 phải chấp hành hình phạt

chung của 02 (hai) bản án là: 07 (bảy) năm tù. Cấm bị cáo Khưu Văn Đ3 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

36. Bị cáo Bùi Công T25 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Bùi Công T25 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Cấm bị cáo Bùi Công T25 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

37. Bị cáo Nguyễn Thành N4 01 (một) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Nguyễn Thành N4 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 05 (năm) năm tù. Cấm bị cáo Nguyễn Thành N4 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

38. Bị cáo Lê Trần Huệ P1 01 (một) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; buộc bị cáo Lê Trần Huệ P1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là: 05 (năm) năm tù. Cấm bị cáo Lê Trần Huệ P1 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, kiến nghị, án phí, việc thi hành án, giải thích chế định án treovà quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có kháng cáo như sau:

01. Ngày 08/11/2017, bị cáo Lê Thị C4 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và yêu cầu tính lại số tiền thiệt hại. Đến ngày 24/11/2017, bị cáo Chi có đơn xin rút lại toàn bộ nội dung đơn kháng cáo. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 51/2017/HS-TBRKC ngày 11/12/2017 về việc bị cáo Lê Thị C4 rút kháng cáo.

02.Ngày 09/11/2017, bị cáo Nguyễn Thành T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

03.Ngày 09/11/2017, bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin xem xét lại tội danh "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" để miễn trách nhiệm hình sự

04.Ngày 08/11/2017, bị cáo Hồ Văn S2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo bằng với thời hạn giam giữ hoặc cho bị cáo hưởng án treo.

05.Ngày 09/11/2017, bị cáo Lê Văn Q có đơn kháng cáo xin xem xét lại tội danh "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" để miễn trách nhiệm hình sự

06.Ngày 03/11/2017, bị cáo Phan Thành L1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

07.Ngày 03/11/2017, bị cáo Lâm Phú T5 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ và xin được hưởng án treo.

08.Ngày 09/11/2017, bị cáo Nguyễn Văn D1 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

09.Ngày 09/11/2017, bị cáo Nguyễn Văn S4 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

10. Ngày 09/11/2017, bị cáo Lý Ngọc T8 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

11. Ngày 07/11/2017, bị cáo Đỗ Văn L4 có đơn kháng cáo cho rằng cùng một khoảng thời gian, địa điểm phạm tội nhưng xét xử bị cáo thành hai bản án là không phù hợp pháp luật tố tụng hình sự và mức án đối với bị cáo là quá nặng.

12.Ngày 09/11/2017, bị cáo Nguyễn Thái H2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

13.Ngày 08/11/2017, bị cáo Trương Đình H3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

14.Ngày 09/11/2017, bị cáo Phạm Vinh H4 có đơn kháng cáo xin xem xét lại tội danh "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" để miễn trách nhiệm hình sự.

15.Ngày 06/11/2017, bị cáo Trần Cẩm Đ2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thành T, Hồ Văn S2 ,Phan Thành L1 , Lâm Phú T5 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Lê Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh H4 , Trần Cẩm Đ2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời các bị cáo chỉ yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với các lý do như: hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già, con còn nhỏ; bản thân các bị cáo bị bệnh…

Các luật sư bào chữa cho rằng:Bản án sơ thẩm quy kết số tiền hưởng lợi của từng bị cáo là không có căn cứ, nên yếu tố vì vụ lợi của từng bị cáo không rỏ

ràng; Khi phát hiện thì có bị cáo đã chuyển công tác đi nơi khác, nên tội phạm đã được chấm dứt; Hình phạt của từng bị cáo như nhau, nhưng có bị cáo thì mức án lại cao hơn, chưa đảm bảo tính công bằng; các bị cáo là người thừa hành, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rỏ ràng, nên cho các bị cáo được hưởng án treo là cần thiết.

Kiểm sát viên, đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phân tích đánh giá chứng cứ cho rằng bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T, Hồ Văn S2 ,Phan Thành L1 , Lâm Phú T5 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Lê Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh H4 , Trần Cẩm Đ2 phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* theo quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 và được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Đồng thời mức án mà bản án sơ thẩm tuyên phạt cho từng bị cáo là có xem xét đánh giá đúng với vai trò phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư và các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đối với các bị cáo Nguyễn Thành T, Hồ Văn S2 ,Phan Thành L1 , Lâm Phú T5 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Lê Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh H4 , Trần Cẩm Đ2 đều là cán bộ, công chức của Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B, tỉnh An Giangvới chức năng, nhiệm vụ được giao là có trách nhiệm giám sát, kiểm tra chặt chẽ, đúng đắn việc kê khai, lập hồ sơ xuất, nhập khẩu hàng hóa của các tổ chức, cá nhân khi làm thủ tục Hải quan tại cửa khẩu Khánh Bình, tỉnh An Giang.

[2]. Tuy nhiên, vì mục đích vụ lợi bị cáo Nguyễn Thành T cùng đồng phạm đã bất chấp pháp luật; thực hiện hành vi,xác nhận giải quyết có nội dung: *"Đã làm thủ tục hải quan", "Hàng hóa đã xuất khẩu"* trên 473tờ khai hải quan xuất khẩu hàng hóa khôngcho Công ty Kim C4 trị giá = 492.496.614.862 đồng

[3]. Hành vi làm trái công vụ nêu trên của bị cáo Nguyễn Thành T cùng đồng phạm là vi phạm quy định tại Điều 27, Điều 30 Luật Hải quan năm 2001; khoản 3 Điều 14 Luật bổ sung, sửa đổi một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Thông tư số 94/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với

hàng hóa xuất khẩu; Quyết định số 1171/QĐ-TCHQ ngày 15/6/2009 của Tổng cục Hải quan ban hành về quy trình, thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu;

[4]. Đồng thời, cũng chính hành vi thực hiện không đúng và làm trái công vụ nhằm mục đích để hưởng lợi của bị cáo Nguyễn Thành T cùng đồng phạm,đã tạo điều kiện cho Lê Thị C4 lập được hồ sơ xuất khẩu hàng hóa khống, kê khai, lập khống 29 bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT trái pháp luật, chiếm đoạt được 41.896.871.359 đồng từ ngân sách Nhà nước, đây là hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, cần phải được xử lý thật nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[5]. Với hành vi và hậu quả trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2017/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T, Hồ Văn S2 ,Phan Thành L1 , Lâm Phú T5 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Lê Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh H4 , Trần Cẩm Đ2 phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* theo quy định tại khoản 3 Điều 281Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả mà các bị cáo gây ra.

[6].Xét về hình phạt,trong vụ án này giữa bị cáo Nguyễn Thành T với bị cáo Nguyễn Văn B6 đều giữchức vụ:Chi cục trưởng - Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh B, có quyền hạn như nhau trong chỉ đạo cấp dưới thực hiện hành vi trái công vụ; Trong khi ở bị cáo Nguyễn Thành T là người được tặng thưởng huân chương lao động hạng ba, có thành tích cao hơn so với bị cáo Nguyễn Văn B6 ; nhưng bản án sơ thẩm lại xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T mức án cao hơn bị cáo Nguyễn Văn B6 là chưa hợp lý; Cho nên chấp nhận kháng cáoxin giảm án của bị cáo Nguyễn Thành Tvà xử phạt bị cáo bằng với mức án của bị cáo Nguyễn Văn B6 là thỏa đáng.

[7]. Đối với hình phạt của các bị cáo còn lại, khi lượng hình bản án sơ thẩm đã có xem xét, đánh giá đầy đủ về vai trò, tính đồng phạm cũng như về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo,xét thấy là hợp lý. Tại phiên tòa các bị cáo chỉ nêu ra hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang bị nhiều loại bệnh khác nhau; đây không phải là tình tiết giảm nhẹ mới, mà đó là những trường hợp để được xem xét trong giai đoạn thi hành án phạt tù. Cho nên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn S2 ,Phan Thành L1 , Lâm Phú T5 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Lê Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh H4 , Trần Cẩm Đ2 .

[8]. Do kháng cáo không được chấp nhận, Các bị cáo Hồ Văn S2 ,Phan Thành L1 , Lâm Phú T5 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Lê

Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh H4 , Trần Cẩm Đ2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định..

[9]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm bkhoản 1 Điều 355;điểm c khoản 1 Điều 357Bộ luật tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn S2 ,Phan Thành L1 , Lâm Phú T5 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Lê Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh H4 ,Trần Cẩm Đ2 . Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 82/2017/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về phần hình phạt của các bị cáo này.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T. Sửa 1 phần bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2017/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Thành T.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T, Hồ Văn S2 ,Phan Thành L1 , Lâm Phú T5 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Lê Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh H4 , Trần Cẩm Đ2 phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"*.

- Vận dụng Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 hướng dẫn về việc áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 cho tất cả bị cáo trong vụ án:

- Tuyên xử:

01. Áp dụng khoản 3,4 Điều 281; điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giam trước từ ngày 19/12/2014 đến ngày 25/3/2016.

Cấm bị cáo Nguyễn Thành T đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

02. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn S đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

03. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Hồ Văn S2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 10/12/2014 đến ngày 19/10/2015.

Cấm bị cáo Hồ Văn S2 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

04. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999,đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Lê Văn Q đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

05. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Phan Thành L1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Phan Thành L1 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

06. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Lâm Phú T5 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Lâm Phú T5 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

07. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 51; Điều 20; Điều 53; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999,đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Đồng thời, bị cáo Nguyễn Văn D1 phải chấp hành song song bản án số 386/2016/HSST ngày 05/7/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án (05/7/2016).

Cấm bị cáo Nguyễn Văn D1 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

08. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn S4 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

09. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Lý Ngọc T8 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Lý Ngọc T8 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

10. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 51; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn L4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 337/2017/HSPT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm tù. Hình phạt chung của hai bản án, bị cáo Đỗ Văn L4 phải chấp hành là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Đỗ Văn L4 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

11. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999,đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thái H2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Thái H2 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

12. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Trương Đình H3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Trương Đình H3 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

13. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Vinh H4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Phạm Vinh H4 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

14. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Trần Cẩm Đ2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Trần Cẩm Đ2 đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

15. Các bị cáo Hồ Văn S2 ,Phan Thành L1 , Lâm Phú T5 , Nguyễn Văn D1 , Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S4 , Lê Văn Q , Lý Ngọc T8 , Đỗ Văn L4 , Nguyễn Thái H2 , Trương Đình H3 , Phạm Vinh H4 , Trần Cẩm Đ2 , mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

16. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
(để tống đạt cho bị cáoLê Thị C4);
- BC;
- Lưu: VP, HS, 28bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quốc Khởi